

Bản án số: 24/2021/DS-ST

Ngày: 05-02-2021

V/v tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Cành.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Linh Chi.

- Bà Đặng Thị Ngọc Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân thụ lý số 534/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5227/2020/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 189/2021/QĐST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Trụ sở: 552 đường K, phường 5, Quận 30, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Trần Ngọc Tr, sinh năm 1989 là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 8 năm 2020. (Bà Tr có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông N, sinh năm 1971. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 48 Trần X, phường G, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/8/2020, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/4/2012 ông N ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ thu nhập của ông N, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 200.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 238.598.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 351.565.275 đồng. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 24/01/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông N

và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Sau khi Ngân hàng chuyển nợ quá hạn, ngày 25/01/2019, và ngày 09/4/2019 ông N đã thanh toán cho Ngân hàng 24.760.858 đồng. Tổng cộng, ông N đã thanh toán cho ngân hàng được 376.356.133 đồng.

Ngân hàng TMCP A khởi kiện, yêu cầu ông N thanh toán số nợ gốc là 195.820.165 đồng và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 05/02/2021 là 151.879.455 đồng, tổng cộng là 347.699.620 đồng. Ông N có trách nhiệm thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận tại Bản các điều khoản điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng kể từ ngày 06/02/2021 đến ngày ông Trường trả dứt nợ.

Nguyên đơn có đơn đề ngày 26/01/2021 đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời gửi kèm bản khai yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán tiền gốc và lãi.

Bị đơn ông N không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện đơn của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn toàn bộ số nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 05/02/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP A khởi kiện tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với bị đơn ông N, cư trú tại số 48 Trần X, phường G, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ngày 26 tháng 01 năm 2021 nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ văn bản xác minh ngày 09/11/2020 của Công an phường G, Quận Z thì bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú 48 Trần X, phường G, Quận Z nhưng đã bán nhà đi khỏi địa phương từ tháng 3 năm 2020, hiện ở đâu không rõ. Tòa án đã niêm yết văn bản tố tụng, triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Điều này chứng tỏ bị đơn đã tự từ bỏ quyền tranh tụng tại phiên tòa để bảo vệ quyền lợi cho mình. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Xét, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 05/02/2021 là 347.699.620 đồng (bao gồm nợ gốc: 195.820.165 đồng và lãi quá hạn 151.879.455 đồng).

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định ngày 12/4/2012, bị đơn đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, kèm Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng ACB và được nguyên đơn cấp thẻ Visa Platinum (thẻ tín dụng quốc tế). Hạn mức nguyên đơn cấp thẻ là 200.000.000 đồng. Tại Điều 12 Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng ACB có quy định: Nghĩa vụ của chủ thẻ, điểm c: chủ thẻ chịu mọi trách nhiệm liên quan đến các giao dịch thẻ thực hiện thành công và được báo nợ vào tài khoản thẻ (bao gồm nhưng không giới hạn giao dịch thẻ trực tuyến có đăng ký và sử dụng dịch vụ 3 D Secure, giao dịch thẻ có/không nhập mã Pin...) mà không phụ thuộc vào hạn mức, số tiền và số lần giao dịch được ACB quy định tại từng thời điểm; điểm g) chủ thẻ có nghĩa vụ thanh toán cho ACB tất cả các giao dịch thẻ được thực hiện bằng thẻ của Chủ Thẻ, kể cả trong trường hợp chủ thẻ không ký xác nhận trên HĐGD.

[4] Trong quá trình sử dụng thẻ, bị đơn đã thực hiện các giao dịch và thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi là 376.356.133. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 24/01/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông N và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 10.1 của Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Á Châu.

[5] Xét về lãi suất cho vay, tại khoản 5.5 Điều 5 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quy định "...mức lãi suất và cách tính lãi được quy định chi tiết tại Biểu lãi suất do A phát hành trong từng thời kỳ. Biểu lãi suất là một phần không tách rời của Bản các điều khoản và điều kiện này. A có thể thay đổi Biểu lãi suất trong quá trình sử dụng thẻ của chủ thẻ và sẽ thông báo cho chủ thẻ theo các hình thức được quy định tại Điều 13 Bản các điều khoản và điều kiện này, và thời điểm có hiệu lực của những thay đổi này được đề cập trong bản thông báo gửi chủ thẻ.

[6] Khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*" và Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành kèm theo quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước) quy định: "*1. Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 2. Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng*". Do đó, mức lãi suất nguyên đơn áp dụng để tính lãi quá hạn cho bị đơn là không trái với quy định của pháp luật.

[7] Như vậy, bị đơn đã không thanh toán các khoản nợ sau khi hết thời hạn vay cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của nguyên đơn. Căn cứ bảng tóm tắt sao kê của khách hàng N tính đến ngày 05/02/2021, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số nợ gốc là 195.820.165 đồng và lãi quá hạn tính đến ngày 05/02/2021 là 151.879.455 đồng, tổng cộng: 347.699.620 đồng là có cơ sở pháp lý, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về thời hạn thanh toán:

Xét, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần số tiền nợ gốc và lãi quá hạn ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ nội dung thỏa thuận tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ACB Visa Platinum ngày 12/4/2012 giữa hai bên, ông N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử xét yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn; hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[10] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;
Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Buộc ông N phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền còn nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 05/02/2021 tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ACB Visa Platinum ngày 12/4/2012 tổng cộng là 347.699.620 đồng (Trong đó nợ gốc là 195.820.165 đồng, lãi quá hạn là 151.879.455 đồng).

Kể từ ngày 06/02/2021, ông N phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần A cho đến khi ông N trả dứt nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. Các bên thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí: Ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.384.981 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần A được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 7.741.966 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0029788 ngày 09/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại cổ phần A, ông Z vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKS ND TP.HCM;
- VKSND Q.1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Cành